

Số: /BC-UBND

Tủa Chùa, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSDP 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp điều hành dự toán thu, chi 6 tháng cuối năm 2024

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Công văn 1049/STC-QLNS ngày 24/5/2024 của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên về việc báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Tủa Chùa về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Căn Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Tủa Chùa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024.

UBND huyện Tủa Chùa báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp điều hành dự toán thu, chi 6 tháng cuối năm 2024, như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

A. THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng thu ngân sách nhà nước thực hiện đến ngày 31/5/2024: 414.551 triệu đồng, trong đó ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 413.535 triệu đồng, đạt 55% dự toán tính và huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 17%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 451.981 triệu đồng, trong đó ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 450.867 triệu đồng, đạt 60% dự toán tính và huyện giao, cụ thể:

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Thực hiện đến ngày 31/5/2024: 11.387 triệu đồng, đạt 69% dự toán tỉnh giao và đạt 66% dự toán huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 17%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 12.800 triệu đồng, đạt 78% dự toán tỉnh giao và đạt 74% dự toán huyện giao, chi tiết:

1. Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh: Thực hiện 5.222 triệu đồng, đạt 64% dự toán tỉnh giao và đạt 60% dự toán huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 28%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 5.815 triệu đồng, đạt 71% dự toán tỉnh giao và đạt 67% dự toán huyện giao.

2. Lệ phí trước bạ: Thực hiện 1.587 triệu đồng, đạt 66% dự toán tỉnh giao và đạt 63% dự toán huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 1%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 1.740 triệu đồng, đạt 73% dự toán tỉnh giao và đạt 69% dự toán huyện giao.

3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện 18 triệu đồng, đạt 36% dự toán tỉnh và huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 39%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 30 triệu đồng, đạt 60% dự toán tỉnh và huyện giao.

4. Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 718 triệu đồng, đạt 57% dự toán tỉnh giao và đạt 55% dự toán huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 12%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 800 triệu đồng, đạt 64% dự toán tỉnh giao và đạt 61% dự toán huyện giao.

5. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện 925 triệu đồng, đạt 132% dự toán tỉnh và huyện giao, so với cùng kỳ năm 2023 tăng 82%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 1.220 triệu đồng, đạt 174% dự toán tỉnh và huyện giao.

6. Phí và lệ phí: Thực hiện 762 triệu đồng, đạt 109% dự toán tỉnh giao và đạt 106% dự toán huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 65%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 800 triệu đồng, đạt 114% dự toán tỉnh giao và đạt 111% dự toán huyện giao.

7. Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện 644 triệu đồng, đạt 129% dự toán tỉnh và huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 7%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 650 triệu đồng, đạt 130% dự toán tỉnh và huyện giao.

8. Tiền thuê mặt đất, mặt nước: Thực hiện 131 triệu đồng, đạt 19% dự toán tỉnh và huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 15%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 220 triệu đồng, đạt 31% dự toán tỉnh và huyện giao.

9. Thu khác ngân sách: Thực hiện 1.374 triệu đồng, đạt 69% dự toán tỉnh giao và đạt 65% dự toán huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 34%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 1.520 triệu đồng, đạt 76% dự toán tỉnh giao và đạt 72% dự toán huyện giao.

10. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: Thực hiện 5 triệu đồng. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 5 triệu đồng.

II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh: Thực hiện: 330.000 triệu đồng, đạt 45% dự toán tỉnh và huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 18%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 366.018 triệu đồng, đạt 50% dự toán tỉnh và huyện giao, bao gồm:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: Thực hiện 270.000 triệu đồng, đạt 46% dự toán tỉnh và huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 13%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 291.018 triệu đồng, đạt 50% dự toán tỉnh và đạt huyện giao.

- Thu bổ sung có mục tiêu: Thực hiện 60.000 triệu đồng, đạt 40% dự toán tỉnh và huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 46%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 75.000 triệu đồng, đạt 50% dự toán tỉnh và huyện giao.

III. Thu chuyển nguồn ngân sách: Thực hiện 73.163 triệu đồng (bao gồm: Ngân sách huyện 56.126,3 triệu đồng; Ngân sách xã 17.036,7 triệu đồng), tăng 11% so với năm 2023, cụ thể:

- **Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công:** 13.790,4 triệu đồng, bao gồm:

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 1.262,7 triệu đồng, (bao gồm: Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn Sông Ún, xã Mường Báng 925,1 triệu đồng; Cải tạo, nâng cấp đường nội thôn Phai Tung, xã Mường Báng 337,6 triệu đồng).

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 5.572,1 triệu đồng, (bao gồm: Nâng cấp tuyến đường Xá Nhè - Mường Đun 3.239,4 triệu đồng; Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Tả Phìn, Tả Sìn Thàng và các bản lân cận 227,6 triệu đồng; Nâng cấp tuyến đường Lầu Câu Phình (xã Lao Xả Phình)- Làng Sảng (xã Tả Sìn Thàng) 2.105,1 triệu đồng).

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi : 6.955,5 triệu đồng, (bao gồm: Nâng cấp tuyến đường nội thôn Nà Sa từ ông Thào A Lữ đến nhà ông Giàng A Hạng xã Tả Phìn 466,8 triệu đồng; Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã - thôn Háng Là xã Sín Chải 1.816,3 triệu đồng; Bổ sung, nâng cấp trường Tiểu học và THCS Lao Xả Phình xã Lao Xả Phình 2.208,3 triệu đồng; Bổ sung, nâng cấp trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tả Phìn 1.295,5 triệu đồng; Đường Nhù Pông Chua đi thôn 3 xã Sính Phình 1.168,6 triệu đồng).

- **Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội:** 11.083,8 triệu đồng, (bao gồm: Tăng thu ngân sách địa phương năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương năm 2024: 7.670 triệu đồng; Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (tại Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh Điện Biên): 1.600 triệu đồng; tiền lương còn dư các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn: 1.813,8 triệu đồng).

- **Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước:** 387,1 triệu đồng (bao gồm: UBMTTQ huyện: 17 triệu đồng; Trường PTDTBT THCS Trung Thu: 69,2 triệu đồng; Phòng Dân tộc: 20 triệu

đồng; Trường PTDTBT TH Mường Báng: 0,2 triệu đồng; Trường Tiểu học Tủa Thàng số 2: 0,3 triệu đồng; Ban chấp hành Hội phụ nữ: 0,3 triệu đồng; Ban chấp hành Hội nông dân: 66,7 triệu đồng; Ban chấp hành Hội cựu chiến binh: 0,9 triệu đồng; Ngân sách xã 212,4 triệu đồng.

- **Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán** 5.913,3 triệu đồng (bao gồm: Kinh phí để thực hiện chi trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ: 3.926 triệu đồng; Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: 1.000 triệu đồng; Nguồn dự phòng ngân sách huyện: 137,4 triệu đồng; Kinh phí mua sắm, sửa chữa: 500 triệu đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 220,8 triệu đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC: 84,3 triệu đồng; Kinh phí để thực hiện chính sách theo Nghị định số 105/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ: 44,8 triệu đồng).

- **Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách Nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau** 4.099 đồng (bao gồm: Số tăng thu ngân sách năm 2021 chưa phân bổ 236 triệu đồng; Số tăng thu ngân sách năm 2022 chưa phân bổ 1.165 triệu đồng; Số tăng thu ngân sách năm 2022 chưa phân bổ 2.698 triệu đồng).

- **Kinh phí khác theo quy định của pháp luật** (Theo quy định khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2023 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2023; khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2024 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội) 37.845 triệu đồng (bao gồm: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững vốn sự nghiệp 14.609 triệu đồng; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vốn sự nghiệp 22.358 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới vốn sự nghiệp 878 triệu đồng).

(chi tiết tại phụ biểu số 01 đính kèm)

B. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện đến ngày 31/5/2024: 282.964 triệu đồng, đạt 38% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 1%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 345.100 triệu đồng đạt 46% dự toán giao, chi tiết các khoản chi như sau:

I. Chi cân đối ngân sách địa phương: Thực hiện 234.520 triệu đồng, đạt 39% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 91%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 282.108 triệu đồng đạt 47% dự toán giao, trong đó:

1. Chi đầu tư: Thực hiện 3.762 triệu đồng, đạt 20% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 25%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 5.095 triệu đồng đạt 28% dự toán giao.

2. Chi thường xuyên: Thực hiện 230.758 triệu đồng, đạt 41% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 95%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 277.013 triệu đồng đạt 49% dự toán giao, cụ thể các lĩnh vực chi như sau:

- Chi quốc phòng: Thực hiện 5.139 triệu đồng, đạt 49% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 98%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 6.343 triệu đồng, đạt 60% dự toán giao.

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: Thực hiện 2.248 triệu đồng, đạt 33% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 71%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 3.412 triệu đồng, đạt 50% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Thực hiện 149.870 triệu đồng, đạt 42% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 3%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 179.191 triệu đồng, đạt 50% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Thực hiện 98 triệu đồng, đạt 22% dự toán giao; Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 128 triệu đồng, đạt 29% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình: Thực hiện 3.282 triệu đồng, đạt 41% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 33%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 3.836 triệu đồng, đạt 48% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp môi trường: Thực hiện 568 triệu đồng, đạt 23% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 1%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 1.000 triệu đồng, đạt 40% dự toán giao.

- Chi đảm bảo xã hội: Thực hiện 8.474 triệu đồng, đạt 29% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 60%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 12.020 triệu đồng, đạt 42% dự toán giao.

- Chi sự nghiệp kinh tế: Thực hiện 19.137 triệu đồng, đạt 49% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 72%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 19.787 triệu đồng, đạt 51% dự toán giao.

- Chi quản lý hành chính: Thực hiện 41.143 triệu đồng, đạt 38% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 92%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 50.497 triệu đồng, đạt 46% dự toán giao.

- Chi hỗ trợ các đơn vị: Thực hiện 800 triệu đồng, đạt 96% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 60%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 800 triệu đồng, đạt 96% dự toán giao.

3. Chi từ nguồn tăng thu trên địa bàn: Chưa thực hiện.

4. Dự phòng ngân sách: Thực hiện 2.550 triệu đồng, đạt 21% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 20%, (bao gồm: Khắc phục hậu quả thiên tai sửa chữa tường bao Huyện ủy 150 triệu đồng; Kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc,

gia cầm, thủy sản trên địa bàn huyện 700 triệu đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai sửa chữa tường bao của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện 400 triệu đồng; Khắc phục hậu quả thiên tai tuyến đường từ thôn Nong Hung, xã Mường Báng đi xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa 1.000 triệu đồng; Sửa chữa, Thủy lợi Háng Lòng Dê, thôn 1, xã Lao Xả Phình 300 triệu đồng).

5. Chi khác ngân sách: Thực hiện 280 triệu đồng, đạt 7% dự toán giao, (bao gồm: Nguồn chi khác ngân sách phân bổ 280 triệu đồng; số còn lại 3.744,7 triệu đồng phân bổ chi tiết sau).

6. Nguồn tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương: Chưa thực hiện.

II. Chi Chương trình mục tiêu quốc: Thực hiện 48.444 triệu đồng, đạt 32% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 111%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 62.992 triệu đồng, đạt 42% dự toán giao, cụ thể:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Thực hiện 14.327 triệu đồng, đạt 26% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 144%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 20.924 triệu đồng, đạt 38% dự toán giao, trong đó:

- Vốn đầu tư: Thực hiện 7.105 triệu đồng, đạt 36% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 49%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 7.105 triệu đồng, đạt 36% dự toán giao.

- Vốn sự nghiệp: Thực hiện 7.222 triệu đồng, đạt 20% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 564%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 13.818 triệu đồng, đạt 39% dự toán giao.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Thực hiện 3.528 triệu đồng, đạt 52% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 27%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 3.528 triệu đồng, đạt 52% dự toán giao, trong đó:

- Vốn đầu tư: Thực hiện 3.426 triệu đồng, đạt 73% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 bằng 26%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 3.426 triệu đồng, đạt 73% dự toán giao.

- Vốn sự nghiệp: Thực hiện 72 triệu đồng, đạt 5% dự toán giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 72 triệu đồng, đạt 5% dự toán giao.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện 30.589 triệu đồng, đạt 35% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 697%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 38.540 triệu đồng, đạt 44% dự toán giao, trong đó:

- Vốn đầu tư: Thực hiện 15.984 triệu đồng; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 796%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 19.524 triệu đồng, đạt 45% dự toán giao.

- Vốn sự nghiệp: Thực hiện 14.605 đồng, đạt 33% dự toán giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 611%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 19.016 triệu đồng, đạt 43% dự toán giao.

III. Chi thực hiện chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: Chưa thực hiện.

(chi tiết theo phụ biểu số 02 đính kèm)

C. THU - CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ

1. Thu ngân sách Nhà nước: Tổng thu thực hiện đến ngày 31/5/2024: 60.909 triệu đồng, đạt 45% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 75.628 triệu đồng, đạt 56% dự toán huyện giao.

2. Chi ngân sách nhà nước: Tổng chi thực hiện đến ngày 31/5/2024: 36.768 triệu đồng, đạt 27% dự toán huyện giao, trong đó chi bổ sung cân đối 26.234 triệu đồng, đạt 33% dự toán huyện giao; chi bổ sung có mục tiêu 10.534 triệu đồng, đạt 19% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 57.414 triệu đồng đạt 42% dự toán huyện giao.

3. Chi tiết thu, chi ngân sách cấp xã

3.1. UBND thị trấn Tủa Chùa

- Thu ngân sách: Thực hiện 4.332 triệu đồng, đạt 34% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 674 triệu đồng, đạt 135% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 5.658 triệu đồng đạt 44% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.230 triệu đồng, đạt 17% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 4.471 triệu đồng đạt 35% dự toán huyện giao.

3.2. UBND xã Mường Báng

- Thu ngân sách: Thực hiện 6.763 triệu đồng, đạt 56% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 9 triệu đồng, đạt 29% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 8.371 triệu đồng đạt 69% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.820 triệu đồng, đạt 23% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 6.494 triệu đồng đạt 53% dự toán huyện giao.

3.3. UBND xã Xá Nhè

- Thu ngân sách: Thực hiện 6.669 triệu đồng, đạt 49% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 15 triệu đồng, đạt 30% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 8.353 triệu đồng đạt 62% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 5.038 triệu đồng, đạt 37% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 5.100 triệu đồng đạt 38% dự toán huyện giao.

3.4. UBND xã Mường Đun

- Thu ngân sách: Thực hiện 3.457 triệu đồng, đạt 32% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 18 triệu đồng, đạt 84% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 3.728 triệu đồng đạt 35% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 1.989 triệu đồng, đạt 19% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 3.561 triệu đồng đạt 33% dự toán huyện giao.

3.5. UBND xã Tủa Thành

- Thu ngân sách: Thực hiện 8.110 triệu đồng, đạt 73% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 4 triệu đồng, đạt 20% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 8.615 triệu đồng đạt 77% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 3.894 triệu đồng, đạt 35% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 6.780 triệu đồng đạt 61% dự toán huyện giao.

3.6. UBND xã Huổi Sớ

- Thu ngân sách: Thực hiện 4.647 triệu đồng, đạt 50% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 4 triệu đồng, đạt 20% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 5.756 triệu đồng đạt 62% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 3.796 triệu đồng, đạt 41% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 5.024 triệu đồng đạt 54% dự toán huyện giao.

3.7. UBND xã Sính Phình

- Thu ngân sách: Thực hiện 5.500 triệu đồng, đạt 41% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 8 triệu đồng, đạt 31% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 7.602 triệu đồng đạt 57% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.636 triệu đồng, đạt 20% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 4.936 triệu đồng đạt 37% dự toán huyện giao.

3.8. UBND xã Tả Phìn

- Thu ngân sách: Thực hiện 5.704 triệu đồng, đạt 53% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 14 triệu đồng, đạt 63% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 5.906 triệu đồng đạt 55% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 4.195 triệu đồng, đạt 39% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 5.200 triệu đồng đạt 48% dự toán huyện giao.

3.9. UBND xã Trung Thu

- Thu ngân sách: Thực hiện 3.514 triệu đồng, đạt 35% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 13 triệu đồng, đạt 65% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 5.416 triệu đồng đạt 54% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.090 triệu đồng, đạt 21% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 3.381 triệu đồng đạt 34% dự toán huyện giao.

3.10. UBND xã Tả Sìn Thành

- Thu ngân sách: Thực hiện 4.846 triệu đồng, đạt 49% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 24 triệu đồng, đạt 48% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 5.852 triệu đồng đạt 59% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 3.570 triệu đồng, đạt 36% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 4.570 triệu đồng đạt 46% dự toán huyện giao.

3.11. UBND xã Lao Xả Phình

- Thu ngân sách: Thực hiện 2.396 triệu đồng, đạt 24% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 2 triệu đồng, đạt 10% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 4.526 triệu đồng đạt 45% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 1.751 triệu đồng, đạt 17% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 4.298 triệu đồng đạt 43% dự toán huyện giao.

3.12. UBND xã Sín Chải

- Thu ngân sách: Thực hiện 4.969 triệu đồng, đạt 42% dự toán huyện giao, trong đó thu trên địa bàn 9 triệu đồng, đạt 33% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 5.844 triệu đồng đạt 49% dự toán huyện giao.

- Chi ngân sách: Thực hiện 2.759 triệu đồng, đạt 23% dự toán huyện giao. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 3.600 triệu đồng đạt 30% dự toán huyện giao.

(chi tiết theo phụ lục biểu số 03, 04, 05 đính kèm)

D. VỀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2023

Tình hình quyết toán ngân sách năm đối với các đơn vị dự toán và quyết toán ngân sách huyện cơ bản được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy định hiện hành. Tuy nhiên, trong công tác quyết toán ngân sách còn một số những tồn tại, hạn chế:

+ Một số đơn vị dự toán và UBND các xã, thị trấn chưa lập và nộp báo cáo quyết toán ngân sách đúng thời gian quy định (*tại Công văn số 31/UBND-TCKH ngày 11/01/2024; Công văn số 68/UBND-TCKH ngày 22/01/2024 của UBND huyện*).

+ Việc lập và gửi báo cáo tình hình quản lý tài sản công chưa gửi báo cáo về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện để nhập vào phần mềm quản lý tài sản công (*theo Công văn số 1506/UBND-TCKH ngày 15/12/2023; Công văn số 206/UBND-TCKH ngày 15/02/2024 của UBND huyện*), còn UBND xã Lao Xả Phình; Các đơn vị trường học.

Từ những tồn tại hạn chế nêu trên, ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp chuyên nguồn, quyết toán ngân sách địa phương chung của toàn huyện và phần mềm quản lý tài sản công.

E. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về nhiệm vụ thu ngân sách

- Công tác quản lý, điều hành ngân sách cơ bản thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành. Căn cứ Quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và dự toán ngân sách tỉnh giao. UBND huyện thực hiện phân bổ giao dự toán thu ngân sách cho các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định hiện hành trên cơ sở dự toán xây dựng đã lập. Các khoản thu cơ bản sát với tình hình thực tế nguồn thu trên địa bàn huyện do đó kết quả thu ngân sách trên địa bàn thực hiện đến ngày 31/5/2024: 11.387 triệu đồng, đạt 69% dự toán tỉnh giao và đạt 66% dự toán huyện giao; so với cùng kỳ năm 2023 tăng 17%. Ước thực hiện đến ngày 30/6/2024: 12.800 triệu đồng, đạt 78% dự toán tỉnh giao và đạt 74% dự toán huyện giao.

2. Về nhiệm vụ chi ngân sách: Chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 đã cơ bản đáp ứng được các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thực hiện các chính sách an sinh xã hội như: Chi trả thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT - BLĐT BXH-BTC; Hỗ trợ theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông bán trú theo Nghị định 116/NĐ-CP, Kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

- Một số nhiệm vụ chi phát sinh như nguồn vốn giao đầu năm nhưng chưa phân bổ chi tiết, nguồn vốn tỉnh giao bổ sung..., UBND huyện đã xin ý kiến của Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, thống nhất với Thường trực HĐND huyện phân bổ, giao chi tiết cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

3. Về công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2024

Để thực hiện tốt các quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương và chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2024, Ngày 24/01/2024, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND Quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2024 trên địa bàn huyện; chỉ đạo, quán triệt các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện, bám sát dự toán ngân sách đã được giao chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ chi đáp ứng kịp thời những nhiệm vụ cần thiết, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cân đối các khoản chi cho phù hợp với nhiệm vụ của đơn vị.

4. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

4.1. Tồn tại, hạn chế

- Một số sắc thuế đạt thấp như: Thuế tài nguyên đạt 15%, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 36%, tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đạt 19%. Kết quả

thực hiện giao thu ngân sách của một số đơn vị giao thu còn chậm. (*chi tiết tại phụ biểu số 05 đính kèm*).

- Công tác giải ngân thực hiện một số nguồn vốn còn chậm như: Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước đạt 21%; Chi sự nghiệp môi trường đạt 23%; Chi sự nghiệp khoa học công nghệ đạt 22%; Chi đảm bảo xã hội 29%; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững vốn sự nghiệp đạt 20%; Chương trình MTQG nông thôn mới vốn sự nghiệp đạt 5%; Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng triệu đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vốn sự nghiệp đạt 33%; Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác đạt 0%...

4.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Các nguồn vốn đầu tư, sự nghiệp Chương trình MTQG giao từ đầu năm, các đơn vị được giao vốn đang tiến hành tổ chức lập, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nên một số dự án chưa thực hiện giải ngân;

+ Một số dự án khởi công mới được bố trí kế hoạch vốn nhưng đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu, giải phóng mặt bằng;

+ Một số đồng chí kế toán chưa tham mưu kịp thời cho thủ trưởng đơn vị trong công tác lập và gửi báo cáo quyết toán ngân sách ảnh hưởng đến tiến độ quyết toán ngân sách địa phương năm 2023.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số đơn vị, địa phương chưa chủ động, chưa quyết liệt đến công tác thu ngân sách trên địa bàn nộp vào NSNN theo quy định;

+ Các chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư báo cáo quyết toán chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

+ Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ được UBND huyện giao của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa kịp thời, quyết liệt, hiệu quả chưa cao.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DỰ TOÁN THU, CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

Dự toán thu năm 2024 giao cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn là mức tối thiểu; căn cứ vào kết quả tình hình phát triển trên địa bàn các xã, thị trấn và kết quả thu ngân sách năm 2024 và các chế độ, chính sách hiện hành,

phần đầu khai thác mọi nguồn thu và chống thất thu ngân sách, đảm bảo mức phần đầu cao hơn dự toán thu ngân sách được HĐND huyện giao. Trước mắt cần tập trung, chỉ đạo một số nhiệm vụ sau:

- Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn, Ban Quản lý dự án các công trình huyện, Chi cục Thuế khu vực Tuần Giáo - Tủa Chùa, Kho bạc Nhà nước huyện nghiên cứu, triển khai thực hiện các nội dung tại Thông tư số 108/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Tăng cường công tác quản lý tài sản công, quản lý sử dụng đất từ khâu quy hoạch sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... để quản lý và thu ngân sách đầy đủ, kịp thời theo đúng chế độ quy định.

- Chỉ đạo Chi cục Thuế khu vực Tuần Giáo - Tủa Chùa phối hợp chặt chẽ với phòng, ban chuyên môn trong công tác quản lý thu thuế; chỉ đạo quản lý thu thuế đối với công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Kho bạc Nhà nước huyện tiếp tục đôn đốc, thu nộp kịp thời các khoản thu hồi theo biên bản kiểm tra xét duyệt quyết toán hằng năm.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

1. Nhiệm vụ chi đầu tư

- Tập trung phân bổ vốn cho các công trình dự án tiếp chi, các công trình đã có khối lượng để tránh nợ đọng khối lượng XD/CB, hạn chế việc hủy bỏ vốn đảm bảo theo quy định;

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng các công trình, đôn đốc các chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư, nhà thầu, kịp thời tháo gỡ những khó khăn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện thi công và giải ngân các dự án đảm bảo đúng kế hoạch.

2. Nhiệm vụ chi thường xuyên

- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện dự toán chi đúng chế độ chính sách trên tinh thần tiết kiệm, thực hiện các mục tiêu kiềm chế lạm phát, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong chi tiêu công quỹ, kiểm soát chi chặt chẽ, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Căn cứ dự toán HĐND huyện giao, các cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng, nâng cao hiệu quả tiết kiệm chi ngân sách;

- Thực hiện tốt việc công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2023 ở các cấp ngân sách và tất cả các đơn vị dự toán theo đúng quy định về thời gian, nội dung của nhà nước đã ban hành;

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách, thực hiện tốt công tác thanh kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đối với các đơn vị dự toán;

- Các đơn vị dự toán chấp hành nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách theo quy định.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp điều hành dự toán thu, chi 6 tháng cuối năm 2024 của UBND huyện Tủa Chùa./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Trang Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lường Tuấn Anh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán tính giao	Dự toán HĐND huyện giao	Thực hiện 6 tháng năm 2023	Thực tháng 5 năm 2024	Ước thực hiện 6 tháng năm 2024	So sánh (%)				
							Tỷ lệ thực hiện so với dự toán giao		Thực hiện/Cùng kỳ 2023	Tỷ lệ ước thực hiện 6 tháng năm 2024 so với dự toán giao	
							Thực hiện/ Tỉnh giao	Thực hiện/ Huyện giao		Thực hiện/ Tỉnh giao	Thực hiện/ Huyện giao
A	B	1	2	3	4	5	6=4/1	7=4/2	8=4/3	8=5/1	9=5/2
	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	748.151	748.981	355.947	414.551	451.981	55%	55%	116%	60%	60%
	NGÂN SÁCH ĐP HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	746.351	747.081	354.844	413.535	450.867	55%	55%	117%	60%	60%
I	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	16.500	17.330	9.755	11.387	12.800	69%	66%	117%	78%	74%
*	<i>Thu ngân sách huyện, xã hưởng</i>	<i>14.700</i>	<i>15.430</i>	<i>8.651</i>	<i>10.372</i>	<i>11.686</i>	<i>71%</i>	<i>67%</i>	<i>120%</i>	<i>79%</i>	<i>76%</i>
1	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh	8.200	8.710	4.081	5.222	5.815	64%	60%	128%	71%	67%
-	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>4.500</i>	<i>4.800</i>	<i>3.193</i>	<i>4.436</i>	<i>4.880</i>	<i>99%</i>	<i>92%</i>	<i>139%</i>	<i>108%</i>	<i>102%</i>
-	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>200</i>	<i>210</i>	<i>73</i>	<i>273</i>	<i>330</i>	<i>136%</i>	<i>130%</i>	<i>376%</i>	<i>165%</i>	<i>157%</i>
-	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>				<i>4</i>	<i>5</i>					
-	<i>Thuế tài nguyên</i>	<i>3.500</i>	<i>3.700</i>	<i>816</i>	<i>510</i>	<i>600</i>	<i>15%</i>	<i>14%</i>	<i>62%</i>	<i>17%</i>	<i>16%</i>
2	Lệ phí trước bạ	2.400	2.520	1.565	1.587	1.740	66%	63%	101%	73%	69%
-	<i>NS huyện hưởng</i>	<i>2.160</i>	<i>2.280</i>	<i>1.483</i>	<i>1.536</i>	<i>1.660</i>	<i>71%</i>	<i>67%</i>	<i>104%</i>	<i>77%</i>	<i>73%</i>
-	<i>NS xã hưởng</i>	<i>240</i>	<i>240</i>	<i>82</i>	<i>51</i>	<i>80</i>	<i>21%</i>	<i>21%</i>	<i>62%</i>	<i>33%</i>	<i>33%</i>
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50	50	13	18	30	36%	36%	139%	60%	60%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.250	1.310	642	718	800	57%	55%	112%	64%	61%
5	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	700	700	510	925	1.220	132%	132%	182%	174%	174%
-	<i>Cơ quan trung ương cấp phép</i>	<i>500</i>	<i>500</i>	<i>448</i>	<i>448</i>	<i>448</i>	<i>90%</i>	<i>90%</i>	<i>100%</i>	<i>90%</i>	<i>90%</i>
	<i>Trong đó: + TW hưởng (70%)</i>	<i>350</i>	<i>350</i>	<i>314</i>	<i>314</i>	<i>314</i>	<i>90%</i>	<i>90%</i>	<i>100%</i>	<i>90%</i>	<i>90%</i>
	<i>+ Địa phương hưởng (30%)</i>	<i>150</i>	<i>150</i>	<i>135</i>	<i>135</i>	<i>135</i>	<i>90%</i>	<i>90%</i>	<i>100%</i>	<i>90%</i>	<i>90%</i>
-	<i>Cơ quan địa phương cấp phép</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>61</i>	<i>477</i>	<i>772</i>	<i>238%</i>	<i>238%</i>	<i>778%</i>	<i>386%</i>	<i>386%</i>
6	Thu phí, lệ phí	700	720	462	762	800	109%	106%	165%	114%	111%
-	<i>NSTW hưởng</i>			<i>49</i>	<i>53</i>	<i>80</i>			<i>108%</i>		
-	<i>NS huyện hưởng</i>	<i>350</i>	<i>370</i>	<i>251</i>	<i>190</i>	<i>200</i>	<i>54%</i>	<i>51%</i>	<i>75%</i>	<i>57%</i>	<i>54%</i>
-	<i>NS xã hưởng</i>	<i>350</i>	<i>350</i>	<i>162</i>	<i>520</i>	<i>520</i>	<i>149%</i>	<i>149%</i>	<i>321%</i>	<i>149%</i>	<i>149%</i>
7	Thu tiền sử dụng đất	500	500	600	644	650	129%	129%	107%	130%	130%
-	<i>NS huyện hưởng</i>	<i>500</i>	<i>500</i>	<i>525</i>	<i>513</i>	<i>517</i>	<i>103%</i>	<i>103%</i>	<i>98%</i>	<i>103%</i>	<i>103%</i>
-	<i>NS xã hưởng</i>			<i>75</i>	<i>131</i>	<i>133</i>			<i>175%</i>		
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	700	700	852	131	220	19%	19%	15%	31%	31%
9	Thu khác ngân sách	2.000	2.120	1.025	1.374	1.520	69%	65%	134%	76%	72%
-	<i>Thu ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>1.450</i>	<i>1.550</i>	<i>741</i>	<i>594</i>	<i>720</i>	<i>41%</i>	<i>38%</i>	<i>80%</i>	<i>50%</i>	<i>46%</i>
-	<i>Thu ngân sách tỉnh hưởng</i>				<i>56</i>	<i>56</i>					
-	<i>Ngân sách huyện hưởng</i>	<i>380</i>	<i>400</i>	<i>217</i>	<i>661</i>	<i>679</i>	<i>174%</i>	<i>165%</i>	<i>305%</i>	<i>179%</i>	<i>170%</i>
-	<i>Ngân sách xã hưởng</i>	<i>170</i>	<i>170</i>	<i>68</i>	<i>64</i>	<i>65</i>	<i>38%</i>	<i>38%</i>	<i>94%</i>	<i>38%</i>	<i>38%</i>
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			5	5	5			100%		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	731.651	731.651	280.000	330.000	366.018	45%	45%	118%	50%	50%
1	<i>Bổ sung cân đối</i>	<i>582.036</i>	<i>582.036</i>	<i>239.000</i>	<i>270.000</i>	<i>291.018</i>	<i>46%</i>	<i>46%</i>	<i>113%</i>	<i>50%</i>	<i>50%</i>
2	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>149.615</i>	<i>149.615</i>	<i>41.000</i>	<i>60.000</i>	<i>75.000</i>	<i>40%</i>	<i>40%</i>	<i>146%</i>	<i>50%</i>	<i>50%</i>
III	Thu chuyển nguồn ngân sách			66.193	73.163	73.163			111%		

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	NỘI DUNG	Dự toán huyện giao	Thực hiện 6 tháng năm 2023	Thực tháng 5 năm 2024	Ước thực hiện 6 tháng năm 2024	So sánh		
						TH/DT	TH/Năm trước	Ư' TH/DT
A	B	I	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	747.081	281.141	282.964	345.100	38%	101%	46%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	597.466	257.228	234.520	282.108	39%	91%	47%
1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	18.459	15.049	3.762	5.095	20%	25%	28%
-	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	18.009	15.049	3.762	5.095	21%	25%	28%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	450		0		0%		0%
2	Chi thường xuyên	561.244	242.179	230.758	277.013	41%	95%	49%
-	Chi quốc phòng	10.595	5.229	5.139	6.343	49%	98%	60%
-	Chi an ninh	6.808	3.152	2.248	3.412	33%	71%	50%
-	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	355.542	145.044	149.870	179.191	42%	103%	50%
-	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	450		98	128	22%		29%
-	Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình	7.956	2.463	3.282	3.836	41%	133%	48%
-	Chi sự nghiệp môi trường	2.500	561	568	1.000	23%	101%	40%
-	Chi đảm bảo xã hội	28.934	14.124	8.474	12.020	29%	60%	42%
-	Chi sự nghiệp kinh tế	38.839	26.525	19.137	19.787	49%	72%	51%
-	Chi quản lý hành chính	108.785	44.581	41.143	50.497	38%	92%	46%
-	Hỗ trợ các đơn vị (Chi cục thi hành án; Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH)	835	500	800	800	96%	160%	96%
3	Chi từ nguồn tăng thu trên địa bàn	730		0		0%		0%
4	Dự phòng ngân sách (không cộng lên tổng số TH)	11.935	2.122	2.550	2.550	21%	120%	21%
5	Chi khác ngân sách (không cộng lên tổng số TH)	4.025	1.343	280	4.025	7%	21%	100%
6	Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL (không cộng lên tổng số TH)	1.073		0		0%		0%
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	149.129	22.925	48.444	62.992	32%	211%	42%
I	CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	54.750	5.862	14.327	20.924	26%	244%	38%
1	VỐN ĐẦU TƯ	19.500	4.775	7.105	7.105	36%	149%	36%
	Đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo	19.500	4.775	7.105	7.105	36%	149%	36%
2	VỐN SỰ NGHIỆP	35.250	1.087	7.222	13.818	20%	664%	39%
-	Dự án 1: HT đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	5.056	350	450	1.156	9%	129%	23%
-	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	8.004		3.572	5.259	45%		66%
-	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	5.146		1.020	2.183	20%		42%
-	Dự án 4: Phát triển giáo dục, việc làm bền vững	2.896				0%		0%
-	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo	11.640		1.760	4.600	15%		40%
-	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	1.488			200	0%		13%
-	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	1.020	737	420	420	41%	57%	41%
II	CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	6.830	13.225	3.528	3.528	52%	27%	52%
1	VỐN ĐẦU TƯ	4.690	13.225	3.426	3.426	73%	26%	73%
	Đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo	4.690	13.225	3.426	3.426	73%	26%	73%
2	VỐN SỰ NGHIỆP	2.140	0	102	102	5%		5%
-	Hỗ trợ theo hệ số phân bổ	70				0%		0%
-	Nội dung thành phần số 03	700		72	72	10%		10%
+	Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền	300		72	72	24%		24%
+	Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	400				0%		0%
-	Nội dung thành phần số 06	330		30	30	9%		9%
+	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức công đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi)	330		30	30	9%		9%
-	Nội dung thành phần số 07	550		0		0%		0%
+	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	400				0%		0%
+	Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình "Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025"	150				0%		0%
-	Nội dung thành phần số 09	300		0		0%		0%
+	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp	100				0%		0%

+	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”	100				0%		0%
+	Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM	100				0%		0%
-	Nội dung thành phần số 11	190		0		0%		0%
+	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	140				0%		0%
+	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM	50				0%		0%
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	87.549	3.839	30.589	38.540	35%	797%	44%
1	VỐN ĐẦU TƯ	42.953	1.784	15.984	19.524	37%	896%	45%
	Đầu tư cơ sở huyện nghèo	42.953	1.784	15.984	19.524	37%	896%	45%
2	VỐN SỰ NGHIỆP	44.596	2.055	14.605	19.016	33%	711%	43%
-	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt	7.007	1.170			0%	0%	0%
-	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	22.668		13.351	16.480	59%		73%
-	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực	3.944	273	804	1.680	20%	295%	43%
-	Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn lực	4.883	612	431	587	9%	70%	12%
-	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (sự nghiệp văn hóa thông tin)	1.832				0%		0%
-	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.869				0%		0%
-	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	733		19	19	3%		3%
-	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN, kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	1.660			250	0%		15%
C	CHI THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHÁC	486	235	0	-	0%	0%	0%
1	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	394	235		-	0%	0%	0%
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	92				0%		0%
3	Kinh phí quỹ bảo trì đường bộ							
D	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		752		-		0%	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024			Thực hiện tháng 5/2024				Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024				So sánh (%) TH			So sánh (%) Ước TH		
		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm	
			Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn		Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn		Thu trên địa bàn	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8	9	10	11	12=4/1	13=5/2	14=6/3	15=8/1	16=9/2	15=10/3
	Tổng số	135.682	810	134.872	60.909	795	43.077	17.037	75.628	858	57.606	17.164	45%	98%	32%	56%	106%	43%
1	UBND Thị trấn Tủa chùa	12.885	500	12.385	4.332	674	2.900	758	5.658	700	4.200	758	34%	135%	23%	44%	140%	34%
2	UBND xã Mường Báng	12.158	30	12.128	6.764	9	6.500	256	8.371	15	8.100	256	56%	29%	54%	69%	50%	67%
3	UBND xã Xá Nhè	13.493	50	13.443	6.669	15	3.921	2.733	8.353	20	5.600	2.733	49%	30%	29%	62%	40%	42%
4	UBND xã Mường Đun	10.668	22	10.646	3.457	18	3.131	308	3.728	20	3.400	308	32%	84%	29%	35%	91%	32%
5	UBND xã Tủa Thàng	11.166	22	11.144	8.110	4	5.486	2.619	8.615	10	5.986	2.619	73%	20%	49%	77%	45%	54%
6	UBND xã Huổi Sớ	9.321	22	9.299	4.647	4	4.111	531	5.756	5	5.220	531	50%	20%	44%	62%	23%	56%
7	UBND xã Sinh Phình	13.306	25	13.281	5.500	8	2.830	2.662	7.602	10	4.930	2.662	41%	31%	21%	57%	40%	37%
8	UBND xã Tả Phìn	10.764	22	10.742	5.704	14	4.300	1.390	5.906	16	4.500	1.390	53%	63%	40%	55%	73%	42%
9	UBND xã Trung Thu	10.045	20	10.025	3.514	13	1.200	2.301	5.416	15	3.100	2.301	35%	65%	12%	54%	75%	31%
10	UBND xã Tả Sin Thàng	9.883	50	9.833	4.846	24	3.570	1.252	5.852	30	4.570	1.252	49%	48%	36%	59%	60%	46%
11	UBND xã Lao Xá Phình	10.044	20	10.024	2.396	2	2.000	394	4.526	5	4.000	521	24%	10%	20%	45%	25%	40%
12	UBND xã Sín Chải	11.950	27	11.923	4.969	9	3.128	1.832	5.844	12	4.000	1.832	42%	33%	26%	49%	44%	34%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024			Thực hiện tháng 5/2024			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024			So sánh (%) Thực hiện			So sánh (%) ước thực		
		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm	
			Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu		Các khoản chi cân đối	Chi chương trình mục tiêu			
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	7=4/1	8=5/2	9=6/3	13=7/1	14=8/2	15=9/3
	Tổng số	135.682	79.641	56.041	36.768	26.234	10.534	57.414	32.290	25.124	27%	33%	19%	42%	41%	45%
1	UBND Thị trấn Tủa chùa	12.885	10.221	2.664	2.230	2.230	0	4.471	3.441	1.030	17%	22%	0%	35%	34%	39%
2	UBND xã Mường Báng	12.158	7.021	5.137	2.820	2.820	0	6.494	3.250	3.244	23%	40%	0%	53%	46%	63%
3	UBND xã Xá Nhè	13.493	7.215	6.278	5.038	2.494	2.543	5.100	2.500	2.600	37%	35%	41%	38%	35%	41%
4	UBND xã Mường Đun	10.668	6.248	4.420	1.989	1.989	0	3.561	2.000	1.561	19%	32%	0%	33%	32%	35%
5	UBND xã Tủa Thàng	11.166	6.368	4.798	3.894	2.154	1.740	6.780	2.727	4.053	35%	34%	36%	61%	43%	84%
6	UBND xã Huổi Sỏ	9.321	5.473	3.848	3.796	2.042	1.754	5.024	2.650	2.374	41%	37%	46%	54%	48%	62%
7	UBND xã Sính Phình	13.306	7.023	6.283	2.636	2.606	30	4.936	3.406	1.530	20%	37%	0%	37%	48%	24%
8	UBND xã Tả Phìn	10.764	6.338	4.426	4.195	2.399	1.796	5.200	3.000	2.200	39%	38%	41%	48%	47%	50%
9	UBND xã Trung Thu	10.045	5.876	4.169	2.090	2.090	0	3.381	2.430	951	21%	36%	0%	34%	41%	23%
10	UBND xã Tả Sìn Thàng	9.883	5.749	4.134	3.570	1.500	2.070	4.570	2.000	2.570	36%	26%	50%	46%	35%	62%
11	UBND xã Lao Xả Phình	10.044	5.619	4.425	1.751	1.751	0	4.298	2.287	2.011	17%	31%	0%	43%	41%	45%
12	UBND xã Sín Chải	11.950	6.491	5.459	2.759	2.158	601	3.600	2.600	1.000	23%	33%	11%	30%	40%	18%

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAO THU NGÂN SÁCH CỦA CÁC ĐƠN VỊ,
UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2024**

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	NỘI DUNG	Dự toán giao	Thực hiện	Tỷ lệ TH/DT
1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	100	166	166%
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2	0	0%
	Lệ phí xây dựng, thu khác	2	0	0%
3	Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình	40	15	38%
	Phí Hàng động xã Xá Nhè	40	15	38%
4	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	25	9	34%
	Phí giết mổ gia súc, phí khác	25	9	34%
5	Công an huyện	1.450	442	31%
	Thu phạt vi phạm hành chính, tịch thu khác, phí an toàn giao thông	1.450	442	31%
6	UBND Thị trấn	500	674	135%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	500	674	135%
7	UBND xã Mường Báng	30	9	29%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	30	9	29%
8	UBND xã Xá Nhè	50	15	30%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	50	15	30%
9	UBND xã Mường Đun	22	18	84%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22	18	84%
10	UBND xã Tủa Thành	22	4	20%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22	4	20%
11	UBND xã Huổi Sớ	22	4	20%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22	4	20%
12	UBND xã Lao Xá Phình	20	2	10%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	20	2	10%
13	UBND xã Tả Sìn Thành	50	24	48%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	50	24	48%
14	UBND xã Tả Phìn	22	14	63%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	22	14	63%
15	UBND xã Sính Phình	25	8	31%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	25	8	31%
16	UBND xã Trung Thu	20	1	6%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	20	1	6%
17	UBND xã Sín Chải	27	9	33%
	Các khoản phí, lệ phí, lệ phí môn bài, thu khác	27	9	33%
	TỔNG CỘNG	2.427	1.415	58%